

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 11-01-2018
V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Triều.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Tùng
2. Ông Nguyễn Tấn Lộc

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 11 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 208/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 220/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị N, sinh năm 1991 (có mặt).

Nơi ĐKKHKT: Ấp C, xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Địa chỉ: Ấp C, xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau.

2. *Bị đơn:* Ông Lâm Hoàng S, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Nơi ĐKKHKT: Ấp N, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Địa chỉ: Ấp C, xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 9 năm 2017 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị N trình bày: Bà và ông Lâm Hoàng S tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2009 đến năm 2013 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do ông S thường xuyên đi vắng nhà, không chăm lo cho gia đình. Mặc dù bà đã cố gắng khuyên ngăn nhưng ông S vẫn không sửa đổi vợ chồng ly thân từ năm 2013 đến nay. Xét thấy hôn nhân không còn đảm bảo, hạnh phúc không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Lâm Hoàng S.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà và ông S có một người con chung tên Lâm Gia B, sinh ngày 19 tháng 4 năm 2013, con chung hiện nay do bà đang trực tiếp nuôi dưỡng. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị N yêu cầu tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Lâm Hoàng S. Do đó, đây là tranh chấp hôn nhân gia đình về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Lâm Hoàng S là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng, Tòa án xét xử vắng mặt ông Lâm Hoàng S.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị N và ông Lâm Hoàng S tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2009, đến ngày 07 tháng 11 năm 2013 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hải, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nên hôn nhân của bà N và ông S là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Tại phiên tòa bà N giữ yêu cầu ly hôn với ông S vì cho rằng bà không còn thương yêu ông S. Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và triệu tập hợp lệ ông S nhiều lần để tham gia hòa giải và xét xử nhưng ông S vắng mặt, không tham gia hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng và không có ý kiến đối với yêu cầu của bà N. Tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “1. *Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, xã hội và lý do chính đáng khác*”. Tại phiên tòa bà N cho rằng không còn thương yêu ông S và vợ chồng ly thân từ năm 2013 đến nay nên vợ chồng không còn thương yêu, chăm sóc giúp đỡ nhau. Điều này cho thấy tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông S đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị N về việc yêu cầu ly hôn với ông Lâm Hoàng S.

[4] Về quyền nuôi con chung: Trong quá trình chung sống bà N và ông S có một người con chung tên Lâm Gia B, sinh ngày 19 tháng 4 năm 2013, hiện tại do bà N đang trực tiếp nuôi dưỡng. Bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Xét

thấy từ khi vợ chồng ly thân đến nay con chung do bà N đang trực tiếp nuôi dưỡng; Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý cho ông S và ông S không có ý kiến về việc bà N yêu cầu trực tiếp nuôi con chung; Bà N xác định có đủ điều kiện nuôi con chung; Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị N, giao người con chung tên Lâm Gia B, sinh ngày 19 tháng 4 năm 2013 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông S có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà N yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con theo đúng quy định của pháp luật. Tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con”*. Áp dụng điều luật đã diện dẫn thì bà N yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung là có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N, buộc ông S cấp dưỡng nuôi con chung tên Lâm Gia B, sinh ngày 19 tháng 4 năm 2013 mỗi tháng 650.000đ, hình thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi người con chung đủ 18 tuổi.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[7] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà N phải nộp 300.000đ, bà N đã dự nộp 300.000đ được chuyển thu án phí. Án phí dân sự sơ thẩm ông S phải nộp 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 53 và Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 và Điều 110; Điều 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

* Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Thị N và ông Lâm Hoàng S.

Về quyền nuôi con chung: Giao người con chung tên Lâm Gia B, sinh ngày 19 tháng 4 năm 2013 cho bà Trần Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lâm Hoàng S có quyền thăm nom con chung không ai được phép cản trở.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Buộc ông Lâm Hoàng S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Lâm Gia B, sinh ngày 19 tháng 4 năm 2013 mỗi tháng 650.000đ (sáu trăm năm mươi ngàn đồng), cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 11 tháng 01 năm 2018) cho đến khi người con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Khi có lý do chính đáng các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà N phải nộp 300.000đ, bà N đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0006714 ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, được chuyển thu án phí. Án phí cấp dưỡng nuôi con ông Lâm Hoàng S phải chịu là 300.000đ.

Án xử sơ thẩm, bà Trần Thị N có quyền kháng cáo trong 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Lâm Hoàng S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau (1b);
- VKSND huyện P, tỉnh Cà Mau (1b);
- Thi hành án huyện P, tỉnh Cà Mau (1b);
- UBND xã T, huyện P, Cà Mau (1b);
- Các đương sự (1b);
- Lưu hồ sơ, văn thư (1b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Việt Triều